

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **120/2026/DS-ST**

Ngày: 24/4/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Văn Vạn**

2. Bà **Lê Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày **24** tháng **4** năm **2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2026/TLST-DS ngày 14/01/2026 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-DS ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Tổ B, ấp D, xã C, tỉnh Đồng Tháp**.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2025)

- Bị đơn: 1/ Anh **Trần Minh Đ1**, sinh năm 1983.

2/ Chị **Đoàn Hoàng O**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: **Tổ G, Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Tổ B, ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

(Ông **N**, anh **Đ1** có mặt; anh **C** xin vắng mặt; chị **O** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/12/2025 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Bùi Quang N** là đại diện ủy quyền nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Anh Đ** trình bày:

Chị **Đ** làm đầu thảo hụi vợ chồng anh **Trần Minh Đ1** và chị **Đoàn Hoàng O**

có tham gia đây hội cụ thể như sau:

Đây hội 2.000.000 đồng, hội tháng, khai ngày 20/01/2023 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2023 dương lịch) (có nhuận 2 tháng 2 trong năm), có 26 phần hội, anh Đ1 và chị O tham gia 02 phần hội (trong giấy hội ghi tên là anh Đ1).

Vào kỳ khai hội lần thứ 4 thì anh Đ1, chị O hót 01 phần hội vào ngày 30/03/2023 âm lịch (nhằm ngày 19/05/2023 dương lịch) chị Đ đã giao tiền hội cho chị O nhận tiền và ký biên nhận hót hội số tiền là: 33.550.000 đồng.

Vào kỳ khai hội thứ 6 (ngày 20/5/2023 âm lịch) thì anh Đ1, chị O hót 01 phần hội còn lại, ngày 30/5/2023 âm lịch chị Đ giao tiền hội cụ thể gồm: 05 phần hội chết: 10.000.000 đồng; 20 phần hội sống (bỏ thăm 600.000 đồng) là: 28.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hót hội: 38.000.000 đồng; Trừ tiền đầu thảo hội là 800.000 đồng, T 01 phần hội chết hót ở kỳ thứ 4: 2.000.000 đồng, còn lại 35.200.000 đồng. Số tiền hót hội lần này bà Đ cũng đã giao đủ tiền cho vợ chồng chị O, anh Đ1.

Sau khi hót hết 02 phần hội, thì anh Đ1, chị O chỉ đóng lại 01 phần hội chết ở kỳ hội thứ 6, việc anh C nhận chuyển khoản tiền từ anh Đ1 số tiền 18.000.000 đồng cũng là để đóng 01 phần tiền hội chết của kỳ hót hội thứ 6, chứ không có đóng cho 01 phần hội đã hót ở kỳ thứ 4 cho đến nay. Tổng cộng anh Đ1, chị O còn nợ phần tiền hội chết của kỳ thứ 4 cho đến kết thúc là: 20 kỳ x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Nay chị Đ yêu cầu anh Trần Minh Đ1 và chị Đoàn Hoàng O có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đ số tiền là: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 24/3/2026 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đoàn Hoàng O trình bày:

Chị O thống nhất có tham đây hội 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hội tháng, khai lần đầu vào ngày 20/01/2023 âm lịch, có 26 phần hội, chị O tham gia 02 phần hội (trong giấy hội ghi tên là anh Đ1). Đến ngày 03/3/2023 hót 01 phần hội, chị Đ có giao tiền hội 33.550.000 đồng. Đối với phần hội còn lại chị O cũng đã hót hội nhưng thời gian hót và số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Sau khi hót hội có đóng hội chết cho chị Đ hàng tháng đầy đủ, hiện chỉ còn nợ lại 02 kỳ hội chết chưa đóng là 4.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả được. Những lần đóng hội chết cho bà Đ thì có lần chị O đóng trực tiếp cho chồng chị Đ là anh Nguyễn Văn C do anh C là người trực tiếp đi gom tiền hội, có khi không có tiền mặt thì chị O và anh Đ1 có chuyển tiền qua tài khoản của anh C, hiện đây hội này đã mãn.

Nay chị O chỉ đồng ý trả cho chị Đ số tiền hội chết còn nợ là 4.000.000 đồng, xin được trả số tiền trên làm hai lần, hạn cuối đến tháng 10/2026 sẽ trả nợ xong cho chị Đ. Không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Đ.

* Tại bản tự khai ngày 24/3/2026 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh Đ1 trình bày:

Anh **Đ1** thừa nhận vợ chồng anh có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi tháng, khai lần đầu vào ngày 20/01/2023 âm lịch, có 26 phần hụi, chị **O** tham gia 02 phần hụi (trong giấy hụi ghi tên là anh **Đ1**) do chị **Đ** làm đầu thảo hụi. Đến ngày 03/3/2023 hốt 01 phần hụi, chị **Đ** có giao tiền hụi 33.550.000 đồng. Đối với phần hụi còn lại ở kỳ thứ 6 chị **Đ** kêu vợ chồng anh **Đ1** hốt nhưng chị **Đ** không giao tiền hụi mà để trừ đi phần hụi chết đã hốt ở kỳ thứ 4. Sau đó anh **Đ1** có chuyển khoản cho anh **C** nhiều lần tổng cộng 18.000.000 đồng và vợ chồng anh **Đ1** có đưa tiền mặt cho chị **Đ**, nên hiện tại vợ chồng anh **Đ1** chỉ còn nợ chị **Đ** 4.000.000 đồng chưa trả.

Nay anh **Đ1** đồng ý cùng với chị **O** trả cho chị **Đ** số tiền hụi chết còn nợ là 4.000.000 đồng, xin được trả số tiền trên làm hai lần, hạn cuối đến tháng 10/2026 sẽ trả nợ xong cho chị **Đ**. Không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của chị **Đ**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị **Đoàn Hoàng O** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn C** có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **O**, anh **C** là có căn cứ đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị **Đ** yêu cầu anh **Đ1** và chị **Đoàn Hoàng O** có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Đ** số tiền hụi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn chị **O** và anh **Đ1** chỉ đồng ý trả cho chị **Đ** số tiền hụi 4.000.000 đồng, xin trả dần làm hai lần, không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng theo yêu cầu của chị **Đ**.

[3] Xét, chị **O** và anh **Đ1** thừa nhận có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, khai ngày 20/01/2023 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2023 dương lịch), gồm 26 phần hụi, chị **O** hốt hụi ở kỳ thứ 4 và kỳ thứ 6. Ông **N** đại diện ủy quyền của chị **Đ** cho rằng sau khi hốt 02 phần hụi chị **O** và anh **Đ1** có đưa tiền mặt và chuyển khoản trả cho chị **Đ** 01 phần hụi, còn nợ lại 01 phần hụi 20 kỳ x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng chưa trả cho chị **Đ**, do chị **Đ** đã choàng hụi cho các hụi viên khác. Theo lời khai chị **O** tại bản tự khai ngày 24/3/2026 cho rằng đã hốt 02 phần hụi và đã đóng hụi chết bằng tiền mặt và chuyển khoản cho anh **C** là chồng chị **Đ**, hiện chỉ còn nợ lại số tiền hụi chết 4.000.000 đồng chưa trả cho chị **Đ**. Tuy nhiên, trong 02 phần hụi này nếu đóng mãn hụi là 80.000.000 đồng, nhưng chị **O** và anh **Đ1** chỉ có chứng cứ đóng hụi được 18.000.000 đồng qua chuyển khoản cho anh **C**, còn chị **O** và anh **Đ1** cho rằng có đưa tiền mặt để đóng hụi cho chị **Đ** nhưng không có làm giấy tờ và không có ai chứng kiến, nên có căn cứ xác định chị **O** và anh **Đ1** chỉ đóng hụi chết 01 phần hụi, còn nợ lại 01

phần hội chưa đóng với số tiền 40.000.000 đồng chưa trả, nên chị **Đ** yêu cầu anh **Đ1** và chị **O** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 40.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ hội, biên, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Do nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đ** căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên anh **Đ1** và chị **O** liên đới chịu 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ hội, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị **Nguyễn Thị Anh Đ**.

Buộc anh **Trần Minh Đ1** và chị **Đoàn Hoàng O** có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Nguyễn Thị Anh Đ** số tiền hội 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh **Trần Minh Đ1** và chị **Đoàn Hoàng O** phải liên đới chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị **Nguyễn Thị Anh Đ** số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000320 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, anh **Trần Minh Đ1** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị **Đoàn Hoàng O**, anh **Nguyễn Văn C** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe